

BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN

1.	Tổng số học sinh của trường	378 Học sinh				
2.	Số học sinh cắt cơm	1 Học sinh				
3.	Số học sinh ăn sáng:	377 Học sinh	Tiền ăn:	7.000 đồng	=	2.639.000 đồng
5.	Số học sinh ăn trưa:	377 Học sinh	Tiền ăn:	23.000 đồng	=	8.671.000 đồng
6.	Số học sinh ăn tối:	377 Học sinh	Tiền ăn:	23.000 đồng	=	8.671.000 đồng
8.	Tiền thu:	19.981.000 đồng		53.000		
9.	Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:	19.981.000 đồng				
10.	Tiền thiếu:			0 đồng		

Đơn vị thực hiện :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	124,41	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	20,0	50.000	1.000.000	
3	Nước mắm	Lít	2,0	13.800	27.600	
4	Mỳ chính	Kg	2,0	55.000	110.000	
5	Bột canh	Kg	2,0	20.000	40.000	
6	Muối trắng	Kg		7.000	-	
7	Nước rửa bát	Lít	6,8	38.000	258.400	

8	Nước lau nhà	Lít	7,2	30.000	216.000	
9	Gas đun bếp	Kg	25,0	36.000	900.000	
10	Gạo nếp(nấu cháo)	Kg	6,1	25.000	152.500	
11	Thịt lợn kho	Kg	49,0	120.000	5.880.000	
12	Trứng gà(kho thịt)	Quả	377,0	3.300	1.244.100	
13	Đường kho thịt	Kg	1,0	25.000	25.000	
14	Khoai tây xào thịt	Kg	44,0	17.000	748.000	
15	Thịt xay (ăn cháo+ xào giá+ xào khoai tây)	Kg	14,8	120.000	1.776.000	
16	Cải thảo(canh)	Kg	19,7	12.000	236.400	
17	Dưa hấu	Kg	27,0	20.000	540.000	
18	Thịt gà chiên	Kg	65,0	80.000	5.200.000	
19	Bột chiên	Kg	3,0	28.000	84.000	
20	Giá đỗ (xào thịt)	Kg	39,0	17.000	663.000	
21	Su Hào(canh)	Kg	20,0	15.000	300.000	
22	Dưa hấu	Kg	27,0	20.000	540.000	
23	Tỏi	Kg		40.000	-	
24	Hành lá	Kg	1,0	40.000	40.000	
					19.981.000	

BỘ PHẬN NHÀ BẾP

Lương

Lò Thị Hương

THANH TRA NHÂN DÂN

Hoàng

Hoàng Thái Bình

KẾ TOÁN

Nguyễn Văn Mươi

Nguyễn Văn Mươi

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG



Lưu Văn Khải

KẾ TOÁN CÔNG TY



Đỗ Thị Thanh Huyền

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Dương Anh Tuấn

